

Số: 66/2020/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Đình K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Nam Cổ Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Chị Lê Thị Diệu H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Đội 4, thôn Hiễn Lộc, xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Đình K và chị Lê Thị Diệu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trương Đình K và chị Lê Thị Diệu H thống nhất giao cả hai con Trương Đình Nhật M, sinh ngày 19-12-2016 và Trương Vũ L, sinh ngày

10-05-2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Trương Đình Nhật M 6.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi; đối với con Trương Vũ L chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Hai bên có nghĩa vụ, quyền về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh Trương Đình K và chị Lê Thị Diệu H thống nhất: Hai bên tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Trương Đình K và chị Lê Thị Diệu H, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận: anh Trương Đình K chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, thay cho chị Hằng; về án phí cấp dưỡng nuôi con anh K phải chịu 150.000 đồng.

Số tiền án phí anh Trương Đình K phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007320, ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Duy Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Châu

